

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 1722/KH-UBND ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3793/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình; số 3636/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2024;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024, cụ thể như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023

##### 1. Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình

Căn cứ hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung

ương về triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn kịp thời, đầy đủ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm triển khai có hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2023, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các sở, ban ngành đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, quản lý thực hiện chương trình trên địa bàn.

*(có phụ lục I chi tiết kèm theo).*

## **2. Kết quả thực hiện kế hoạch vốn của Chương trình**

### **2.1. Kết quả thực hiện, giải ngân nguồn vốn**

- Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình năm 2023 là 653.742 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 336.969 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp 306.093 triệu đồng.

+ Vốn tín dụng: 10.680 triệu đồng.

- Kết quả giải ngân: Đến ngày 31/1/2024, giải ngân 317.596 triệu đồng, đạt 48,6% kế hoạch giao, trong đó:

+ Vốn đầu tư: 226.793 triệu đồng, đạt 67,3% kế hoạch giao.

+ Vốn sự nghiệp: 80.123 triệu đồng, đạt 26,2% kế hoạch giao.

+ Vốn tín dụng: đạt 100% kế hoạch.

*(có Phụ lục II chi tiết kèm theo)*

### **2.2. Về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu**

Tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi giảm 8,05%, vượt chỉ tiêu nhiệm vụ được giao (giảm 4,5%/năm).

## **3. Kết quả triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án nội dung thành phần**

### **3.1. Dự án 1: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

Thực hiện hỗ trợ nhà ở, đất ở cho 406 hộ (351 hộ được hỗ trợ nhà ở; 55 hộ được hỗ trợ đất ở); hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 16 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 348 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 858 hộ; đầu tư xây dựng 16 công trình nước sinh hoạt tập trung (5 công trình chuyển tiếp, 11 công trình đầu tư mới).

### **3.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư**

- Hỗ trợ khảo sát vị trí, điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập thẩm định phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư 11 điểm.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho 30 công trình: 13 công trình giao thông; 07 công trình văn hoá; 08 công trình giáo dục; 02 công trình thủy lợi.

- Lập 01 khu định canh, định cư tập trung cho 17 hộ.

- Hỗ trợ trực tiếp cho 4 hộ thuộc diện sắp xếp ổn định dân cư.

### ***3.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị***

Hỗ trợ bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ; khoanh bảo vệ rừng, trợ cấp gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ rừng; khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển cây lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ. Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; tham gia trưng bày giới thiệu sản phẩm tại: Hội chợ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Ninh Bình năm 2023; Hội chợ OCOP tại tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Thái Nguyên để giới thiệu, trưng bày các sản phẩm OCOP vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### ***3.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.***

Đầu tư xây dựng 28 công trình, trong đó: 18 công trình đường giao thông (13 công trình xây mới, 05 công trình chuyển tiếp); 05 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng (04 công trình xây mới, 01 công trình chuyển tiếp); 04 trường học; 01 chợ; thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

### ***3.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***

- Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo 06 trường PTDT nội trú; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số.

- Mở 02 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4; 01 lớp dạy tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Bru - Vân Kiều) cho 69 học viên.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: tổ chức 08 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình các cấp với gần 500 học viên; tổ chức 01 hội nghị, hội thảo hướng dẫn trao đổi giải quyết khó khăn vướng mắc trong thực hiện Chương trình cho 129 cán bộ thực hiện Chương trình từ cấp tỉnh đến cấp xã; tổ chức 01 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm cho 14 người là cán bộ, công chức các cấp và cộng đồng tham gia vào việc triển khai thực hiện Chương trình.

### ***3.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch***

Xây dựng CLB sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh); tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số; khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống cấp huyện; xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn bản; bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch; hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn bản; hỗ trợ nghệ nhân người đồng bào dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến, tổ chức hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống; hỗ trợ hoạt động cho các đội văn nghệ truyền thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **3.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em**

Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số; thông tin, truyền thông và vận động thay đổi hành vi về chăm sóc, dinh dưỡng cho trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh. Tập huấn cập nhật kiến thức cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, đội ngũ y tế thôn bản về chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý.

Hỗ trợ cô đỡ thôn bản, hỗ trợ trang thiết bị cho các trạm y tế.

### **3.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

Thành lập 48 tổ truyền thông cộng đồng, tổ chức tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xoá bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hoá có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em. Xây dựng và nhân rộng các mô hình “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em. Thành lập mới 18 địa chỉ tin cậy, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng vận hành địa chỉ tin cậy cộng đồng; kỹ năng phát hiện, lên tiếng, hỗ trợ nạn nhân bạo lực; kỹ năng tư vấn, hoà giải bạo lực gia đình. Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn, bản. Thành lập 10 câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi, tham gia cuộc thi “Sáng tác tác phẩm truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới dành cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số lần thứ nhất năm 2023” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

### **3.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.**

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo 31 công trình cơ sở hạ tầng tại các thôn, bản tập trung đồng đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù (dân tộc Chứt), trong đó: 12 công trình Giao thông (xây mới: 10, chuyên tiếp: 02); 04 công trình Nhà sinh hoạt cộng đồng; 08 trường học; 05 công trình thủy lợi; 02 công trình nước sạch.

Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế cho các dân tộc có khó khăn đặc thù, các dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; Tổ chức 20 lớp tập huấn tuyên truyền tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống với hơn 1.500 lượt người tham gia; tổ chức 03 hội thi tuyên truyền tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; lắp đặt 12 pano tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tổ chức 02 hội nghị tập huấn (120 người) nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.

### **3.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

Tổ chức 08 hội nghị cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho 490 lượt học viên; Tổ

chức 02 Đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đi thăm quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh; triển khai xây dựng 16 điểm ứng dụng công nghệ thông tin tại các địa phương (Minh Hoá: 5 điểm; Tuyên Hoá: 2 điểm; Bố Trạch: 4 điểm; Quảng Ninh: 02 điểm; Lệ Thủy: 03 điểm). Tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình tại các huyện.

#### **4. Đánh giá chung**

Việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã có nhiều cố gắng, phương thức chỉ đạo linh hoạt trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao đạt được kết quả tốt, đóng góp vào thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh; những khó khăn, bức xúc của đồng bào dân tộc được kịp thời giải quyết; khối đại đoàn kết dân tộc được tăng cường, củng cố; an ninh chính trị được giữ vững, bản sắc văn hóa, các giá trị truyền thống tốt đẹp tiếp tục được bảo tồn, phát huy; lòng tin của đồng bào các dân tộc với Đảng, Nhà nước được củng cố vững chắc.

Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh giảm 8,05% (vượt chỉ tiêu giai đoạn là trên 4,5%/năm).

Một số thông tư, hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án chưa rõ ràng cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để đẩy nhanh công tác giải ngân nguồn vốn.

## **II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024**

### **1. Mục tiêu chủ yếu**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên 4,5%/năm.
- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các công trình giao thông liên xã, liên thôn bản, giao thông nội đồng; hỗ trợ, đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung, nước sinh hoạt phân tán cho các hộ gia đình; các công trình điện lưới; công trình giáo dục, văn hóa cho các thôn, bản đặc biệt khó khăn.
- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường trên 97%, học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường trên 95%, học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông trên 98%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và đội ngũ cán bộ triển khai chương trình các cấp. Đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với nhu cầu, điều kiện và năng lực của người lao động.
- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số. Số thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng xây dựng mới 95%; có ít nhất 04 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền dạy văn hoá phi vật thể; 100% thôn, bản có đội văn hoá, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng cao.
- Tăng cường công tác y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đồng bào được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ phụ nữ sinh con và tại các cơ sở y tế trên 99%. Trên 98% phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ).

- Tiếp tục các hoạt động nâng cao nhận thức, thay đổi nếp nghĩ, cách làm, hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

## **2. Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình**

Tổng nguồn vốn kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024 là 430.660 triệu đồng (chưa bao gồm nguồn vốn năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024; các nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác). Trong đó:

- Ngân sách Trung ương giao: 388.371 triệu đồng.
- + Nguồn vốn đầu tư phát triển: 215.482 triệu đồng.
- + Nguồn vốn sự nghiệp: 172.889 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 42.289 triệu đồng, trong đó:
  - + Nguồn vốn đầu tư phát triển: 25.000 triệu đồng.
  - + Nguồn vốn sự nghiệp: 17.289 triệu đồng.

## **3. Kế hoạch vốn thực hiện các Dự án, Tiểu dự án.**

*(có phụ lục III kèm theo)*

## **4. Giải pháp thực hiện**

4.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Chương trình đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp nhân dân, nhất là người DTTS nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người DTTS.

4.2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; tập trung cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các dân tộc thiểu số khó khăn nhất.

4.3. Thực hiện lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ trên cùng địa bàn theo cơ chế đầu tư, tài chính của Chương trình; huy động tối đa nguồn lực trên địa bàn để tổ chức triển khai Chương trình; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng, tiếp tục huy động vốn góp của Nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện; đồng thời huy động các nguồn vốn khác góp phần đa dạng hóa nguồn lực và kêu gọi sự chung tay của cộng đồng, sự tham gia đóng góp của đối tượng thụ hưởng trong thực hiện Chương trình.

4.4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của địa phương để triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án của Chương trình. Tăng cường vai trò của cấp xã, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và cộng đồng thực sự làm chủ trong thực hiện; bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm trong suốt quá trình thực hiện các Chương trình; triển khai có hiệu quả các cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

4.5. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình, nhất là công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ

việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành.

4.6. Đẩy mạnh thực hiện công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tham mưu, thực hiện Chương trình. Phát huy vai trò, trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đã được phân công phụ trách trong triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình.

4.7. Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cộng đồng dân cư, vai trò của già làng, người có uy tín trong quá trình triển khai các dự án, tiểu dự án, đề án ở vùng đồng bào DTTS&MN.

4.8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để chủ động tháo gỡ đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Đồng thời, chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo các nguồn vốn sử dụng được hiệu quả.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng và các tổ chức thành viên đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm và sự vào cuộc với vai trò chủ thể của đoàn viên, hội viên và nhân dân trong tham gia thực hiện kế hoạch.

Thực hiện tốt vai trò giám sát phản biện trong quá trình thực hiện kế hoạch, từ đó kiến nghị các giải pháp, cơ chế, chính sách cụ thể để thực hiện có hiệu quả các dự án, tiểu dự án.

Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện; tuyên truyền, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện kế hoạch và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

#### 2. Ban Dân tộc

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra hướng dẫn, tổng hợp việc triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu, đề xuất phân bổ, quản lý nguồn vốn thực hiện kế hoạch sau khi được Trung ương phân bổ đảm bảo theo đúng quy định. Tổng hợp, theo dõi các khó khăn, vướng mắc, đề xuất với các Bộ, ngành trung ương kịp thời tháo gỡ, giải quyết theo thẩm quyền đảm bảo tiến độ trong triển khai thực hiện Chương trình.

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo. Đồng thời thực hiện công tác giám sát, đánh giá Chương trình theo quy định.

#### 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ chương trình và cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công; tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình.

#### 4. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp được Trung ương giao để thực hiện chương trình. Tham mưu cân đối, bố trí phân đối ứng vốn sự nghiệp thuộc ngân sách địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về cơ cấu nguồn vốn đối ứng, cơ chế tài chính đối với từng Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình.

- Hướng dẫn về cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện Chương trình. Đồng thời, tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định hiện hành.

#### 5. Các cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của chương trình

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện nguồn vốn năm 2024; chủ trì, hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do cơ quan, đơn vị quản lý hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải ngân nguồn vốn theo Kế hoạch; nghiên cứu, lồng ghép nguồn vốn của các Chương trình chính sách khác thuộc phạm vi quản lý đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo. Phối hợp tham mưu xây dựng và hướng dẫn cơ chế quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình theo chức năng quản lý nhà nước được giao.

- Theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, kế hoạch triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp.

#### 6. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Thực hiện cho vay theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 cho các đối tượng thụ hưởng trong các dự án, tiểu dự án theo quy định, đảm bảo thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Chương trình.

#### 7. Ủy ban nhân dân các huyện

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2024 trên địa bàn. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí có hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí; đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch, phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; chịu trách nhiệm thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Dân tộc, các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể triển khai thực hiện đạt hiệu quả; huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về tiến độ thực hiện, kết quả, quyết



toán nguồn vốn hàng năm về UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc) theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện: LT, QN, BT, TH, MH;
- Lưu: VT, KT.



**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Tân**

## Phụ lục I

### HỆ THỐNG VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(kèm theo Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm	Nội dung
1	Nghị quyết	100/NQ-HĐND	10/12/2022	Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình
2	Nghị quyết	110/NQ-HĐND	23/03/2023	Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
3	Nghị quyết	42/NQ-HĐND	24/03/2023	Ban hành Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.
4	Nghị quyết	116/NQ-HĐND	24/03/2023	Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; kéo dài nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2022 sang năm 2023; điều chỉnh nhiệm vụ chi đã phân bổ năm 2022 tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của HĐND tỉnh.
5	Nghị quyết	54/2023/NQ-HĐND	02/10/2023	Sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 và hàng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Nghị Quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
6	Nghị quyết	53/2023/NQ-HĐND	02/10/2023	Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, chương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.
7	Nghị quyết	134/NQ-HĐND	02/10/2023	Phê duyệt danh sách thôn, bản có đồng bào dân tộc khó khăn đặc thù thuộc đối tượng thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 9 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.
8	Nghị quyết	135/NQ-HĐND	02/10/2023	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.
9	Nghị quyết	151/NQ-HĐND	08/12/2023	Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 – 2025 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024

10	Nghị quyết	148/NQ-HĐND	08/12/2023	Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024
11	Nghị quyết	61/2023/NQ-HĐND	08/12/2023	Ban hành Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025.
12	Nghị quyết	154/NQ-HĐND	08/12/2023	Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.
13	Quyết định	3791/QĐ-UBND	29/12/2022	Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.
14	Quyết định	646/QĐ-UBND	28/03/2023	Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; chuyển nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2022 sang năm 2023.
15	Quyết định	04/2023/QĐ-UBND	07/02/2023	Quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.
16	Quyết định	3088/QĐ-UBND	07/02/2023	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.
17	Quyết định	1346/QĐ-UBND	31/5/2023	Quy định một số nội dung về trợ cấp gạo thực hiện bảo vệ rừng và phát triển rừng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.
18	Quyết định	3098/QĐ-UBND	31/10/2023	Một số nội dung về trợ cấp gạo thực hiện bảo vệ và phát triển rừng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.
19	Quyết định	3636/QĐ-UBND	15/12/2023	Về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và huyện, thị xã, thành phố
20	Quyết định	3793/QĐ-UBND	26/12/2023	Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 20224 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.
21	Kế hoạch	1133/KH-UBND	12/6/2023	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023.

**KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023 (đến 31/12/2023)**  
(Kèm theo Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

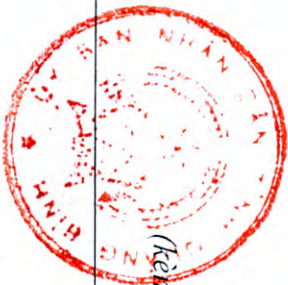
Đơn vị tính: Triệu đồng

T	Tên dự án	Tổng vốn	Trong đó			Năm 2022 (chuyển sang năm 2023)						Vốn kế hoạch năm 2023							Kết quả thực hiện đến 31/12/2023						
			Vốn Đầu tư		Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn tín dụng	Tổng vốn giải ngân	Tỷ lệ %	Vốn đầu tư		Tỷ lệ %	Vốn sự nghiệp	Tỷ lệ %	Vốn tín dụng	Tỷ lệ %					
			Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp					SNTV	NSDP				Vốn đầu tư	Tỷ lệ %										
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở nhà ở: đất sản xuất, nước sinh hoạt	78.226	68.798	9.428	30.076	2.435	38.722	6.993	0	10.680	39.318	50,3	35.014	50,9	4.304	45,7									
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	93.586	72.812	20.774	25.346	6.026	47.466	14.748	0	50.937	50.937	54,4	50.937	70	0	0	0								
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông-lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	155.570	0	155.570	0	43.586	0	110.634	1.350	32.564	20,9	0	32.564	20,9											
4	Dự án 4: Dẫn tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	69.039	63.303	5.736	23.781	986	39.522	4.117	633	56.606	82	50.870	80,4	5.736	100										
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo năng cao chất lượng nguồn nhân lực	38.646	21.140	17.506	7.932	5.187	13.208	12.319		29.780	77,3	20.674	97,8	9.106	52										
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	25.598	15.920	9.678	5.546	1.999	10.374	7.679		10.044	39,2	4.851	30,5	5.193	53,7										
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>653.742</b>	<b>336.969</b>	<b>306.093</b>	<b>130.901</b>	<b>79.130</b>	<b>206.068</b>	<b>206.330</b>	<b>20.633</b>	<b>10.680</b>	<b>317.596</b>	<b>48,6</b>	<b>226.793</b>	<b>67,3</b>	<b>80.123</b>	<b>26,2</b>	<b>10.680</b>	<b>100</b>							
4	B	1 2 3 9	2 4 6	3 5 7 8	4	5	6	7	8	9	10 12 14 16	11 10 1	12	13 12 2	14	15 14 3	16	17							



**Phụ lục III**  
**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024**  
(Kèm theo Kế hoạch số 555/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	Tên dự án	Tổng vốn	Kế hoạch vốn năm 2024						NSDP	
			Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Tổng vốn NSTW	NSTW		Tổng vốn NSDP	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp
						Đầu tư	Sự nghiệp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
<b>TỔNG CỘNG</b>		430.660	240.482	190.178	388.371	215.482	172.889	42.289	25.000	17.289
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	27.412	19.576	7.836	24.022	16.186	7.836	3.390	3.390	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	64.130	44.898	19.232	64.130	44.898	19.232	0	0	
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	114.194	0	114.194	111.794	0	111.794	2.400	0	2.400
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	69.239	61.712	7.527	52.219	47.392	4.827	17.020	14.320	2.700
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	36.172	25.680	10.492	35.172	25.680	9.492	1.000		1.000
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	23.431	13.491	9.940	23.431	13.491	9.940	0		0
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	3.364	0	3.364	2.899	0	2.899	465		465

8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	3.094	0	3.094	3.094	3.094	0	3.094	0	0
9	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	69.753	67.835	1.918	69.753	67.835	1.918	1.918	0	0
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	3.108	0	3.108	1.857	0	1.857	1.251	1.251	1.251
*	Vốn đối ứng NS tỉnh năm 2024 phân cho UBND các huyện phân bổ	16.763	7.290	9.473	0			16.763	7.290	9.473